

BẢN SAO

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

VĂN BẢN ĐẾN

Ngày: 03-07-2020

Số: 17212

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá theo quyết định số 1745/QĐ-BXD và 1749/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101437741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA NO 9.06 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: SONG DA NO 9.06.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

Stt	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Văn phòng Công ty	tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
2	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 226 đường số 28, Phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 tại Lào Cai	Phiên Đoong, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Ngọc Ánh	Chủ tịch
Ông Đào Viết Thọ	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Anh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm có:

Ban Giám đốc

Ông Đinh Ngọc Ánh	Tổng Giám đốc
Ông Đào Viết Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đinh Ngọc Ánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Số: 545/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 được lập ngày 22 tháng 6 năm 2020, từ trang 07 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản tại cố định thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác nhưng các thủ tục này cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Chúng tôi không thu thập được các đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu với số tiền 75.746.016.434 đồng, xác nhận công nợ phải trả số tiền 45.134.478.562 đồng tại thời điểm 31/12/2019. Do cách thức theo dõi của công ty nên chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm tra thay thế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2019.

Theo thuyết minh số 5.2; 5.3; 5.4 Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu quá hạn trên 3 năm với số tiền tương ứng là 11.215.686.024 đồng, 14.519.085.708 đồng, 30.748.890.695 đồng. Do đó, nếu trích lập dự phòng nợ khó đòi theo quy định, lợi nhuận trước thuế của công ty sẽ lỗ thêm một khoản tương ứng 56.483.662.427 đồng.

Liên quan đến dự án Sông Đà – Bình Tân

Ngày 12/09/2007, các bên tham gia liên danh gồm Công ty Cổ phần Sông Đà 9, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.01, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 ký thỏa thuận liên danh số 01 TTLĐ/SD9-901-906 v/v Hợp tác Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/05/2009, UBND TP. Hồ Chí Minh có văn bản số 2227/UBND-DTMT v/v chấp thuận đầu tư xây dựng dự án này cho Liên danh 3 Công ty.

Ngày 21/08/2009 theo PL số 02/TTLĐBS/SD9-901-906, các bên liên danh rút khỏi dự án và không tiếp tục tham gia đầu tư dự án KĐT mới Tân Tạo, để cho Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 là chủ đầu tư duy nhất.

Ngày 29/09/2010 Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại dịch vụ địa ốc Hoàng Quân (gọi tắt là “Công ty Hoàng Quân”) đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 89/HQ-HĐHT v/v đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án KĐT Sông Đà - Bình Tân, Công ty Hoàng Quân góp vốn vào dự án 335.500.000.000 đồng, đổi lại Công ty Hoàng Quân nhận được 61.000m² đất ở thành phẩm đã đủ cơ sở hạ tầng.

Theo Hồ sơ tài liệu Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 cung cấp cho Đoàn Kiểm tra (chi cục thi hành án Quận Bình Tân) thì tại thời điểm kiểm tra thuê, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 không có quyết định giao đất; giao dịch giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Hoàng Quân là giao dịch không có hàng hóa. Như vậy, Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu liên quan đến Dự án KĐT Sông Đà - Bình Tân

Theo Quyết định tại Bản án dân sự số 37/2014/KĐTM-ST ngày 02/04/2014 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, TP. HCM có tuyên xử hủy Hợp đồng hợp tác đầu tư này. Buộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 có trách nhiệm trả cho Công ty Hoàng Quân số tiền 55.800.000.000 đồng.

Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT ký ngày 11/12/2015, Biên bản thỏa thuận số 02 ký ngày 10/10/2016 V/v chuyển giao quyền sử dụng đất (theo BBTT số 01 tổng số tiền Công ty Hoàng Quân phải thanh toán là 65.300.000.000, Công ty Hoàng Quân đã thanh toán 60.800.000.000 đồng sau khi kiểm tra số liệu chứng từ do công ty Sông Đà 9.06 cung cấp có liên quan đến quyền sử dụng đất đền bù giải tỏa có diện tích là 41.967,7 m², căn cứ vào bản vẽ Công ty Hoàng Quân đo đạc là 41.104,7 m² chênh lệch 863 m² sau khi có kết quả đo vẽ lại được 2 bên thống nhất nếu vẫn phát sinh diện tích giảm so với diện tích Công ty Sông Đà 9.06 đã đền bù thì áp dụng đơn giá đã qui định tại khoản 2.1 Điều 2 của biên bản này), Biên bản thỏa thuận số 03 ký ngày 11/11/2016 V/v Thanh toán tiền và thực hiện pháp lý dự án Khu đô thị Sông Đà – Bình Tân (theo BBTT số 01 tổng số tiền Công ty Hoàng Quân phải thanh toán là 65.300.000.000 đồng, Công ty Hoàng Quân đã thanh toán 60.800.000.000 đồng. Sau đó Công ty Hoàng Quân làm việc với các cơ quan chính quyền địa phương để tiếp tục thực hiện dự án khu đô thị Sông Đà – Bình Tân tại phường Tân Tạo và phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân trước đây do Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 làm chủ đầu tư đồng thời về công việc thực hiện tại Điều 2 của Biên Bản Công ty Sông Đà 9.06 cam kết Ủng hộ Công ty Hoàng Quân tiếp tục thực hiện dự án khu đô thị Sông Đà – Bình Tân tại phường Tân tạo và phường Bình Trị Đông A nêu trên, cung cấp các chứng từ tài liệu có liên quan đến dự án theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo qui định của pháp luật, không tranh chấp khiếu nại khi Công ty Hoàng Quân thực hiện dự án nêu trên hoặc thực hiện dự án có ranh trùng với ranh dự án khu đô thị Sông Đà Bình Tân tại phường Tân tạo, Bình Trị Đông A nêu trên). Đến nay Công ty CP Tư vấn Thương mại – Dịch vụ địa ốc Hoàng Quân vẫn chưa được các cơ quan của TP. Hồ Chí Minh cho phép và các biên bản làm việc 3 bên(Công ty Cổ Phần Sông Đà 9.06 – Công ty Cổ phần tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân và Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Tân – Thành Phố Hồ Chí Minh) với điều kiện Công ty CP Tư vấn – Thương mại - Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân thanh toán hết số tiền đã thỏa thuận trước 30/03/2017. Nếu không thanh toán thì các thỏa thuận coi như không có hiệu lực và coi như Công ty CP Sông Đà 9.06 đã hoàn thành nghĩa vụ với Công ty CP Tư vấn – Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân. Công ty CP Tư vấn – Thương mại - Dịch vụ - Địa ốc Hoàng Quân có trách nhiệm trả lại sổ đỏ và giấy tờ liên quan đến 41.967,7m² cho Công ty CP Sông Đà 9.06. Đến thời điểm hiện tại Công ty Hoàng Quân chưa thanh toán hết số tiền theo thỏa thuận.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng tin cậy và hợp lý có liên quan đến việc thực hiện phán quyết, các biên bản thỏa thuận nêu trên của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06, cũng như các thỏa thuận khác có liên quan (nếu có) giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán về vấn đề này và các ảnh hưởng lũy kế của nó đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trong năm Công ty ghi nhận doanh thu Dự án Sông Đà Bình Tân với số tiền 65.300.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận về việc thu hồi chi phí bồi thường, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được bằng chứng tin cậy và hợp lý đến việc ghi nhận khoản doanh thu này do đó chúng tôi không đưa ý kiến về khoản mục này, cũng như ảnh hưởng của nó đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019.

Công ty điều chỉnh giảm doanh thu, giá vốn và chi phí trích trước của Dự án Sông Đà Bình Tân (đã được ghi nhận doanh thu, giá vốn và chi phí trích trước từ năm 2011) với số tiền lần lượt là 305.000.000.000 đồng; 196.805.279.688 đồng và 200.948.204.866 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố theo quy định. Trước đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến về việc không đủ cơ sở để ghi nhận doanh thu và giá vốn của dự án này, do đó chúng tôi cũng không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về việc điều chỉnh giảm nêu trên cũng như ảnh hưởng của nó đến kết quả hoạt động kinh doanh năm và tình hình tài chính của các năm trước.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” nên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán và Báo cáo kiểm toán có ý kiến dạng từ chối đưa ra ý kiến do Kiểm toán viên không tham gia quan sát kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018; Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ tại ngày 31/12/2018; Công ty chưa đánh giá và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi; Số dư khoản mục chi phí phải trả tại ngày 31/12/2018 chủ yếu là các khoản chi phí trích trước tương ứng với doanh thu đã ghi nhận của một số Công trình đã phát sinh nhiều năm và chưa được hoàn chứng từ; Công ty chưa nộp và Cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán nên kiểm toán viên không đủ cơ sở xác định số dư thuế phải trả; Công ty chưa hạch toán lãi chậm trả tiền bảo hiểm tại thời điểm 31/12/2018.



Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580 -2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

Lưu Anh Tuấn
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026 -2019-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		91.752.744.697	437.577.783.899
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	808.784.096	793.240.542
1. Tiền	111	5.1	808.784.096	793.240.542
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.746.016.434	415.028.088.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	17.594.921.254	356.388.673.254
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	16.818.993.149	16.786.993.145
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	42.034.803.645	42.555.123.891
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(702.701.614)	(702.701.614)
IV. Hàng tồn kho	140		14.958.718.553	21.553.938.907
1. Hàng tồn kho	141	5.5	14.958.718.553	21.553.938.907
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		239.225.614	202.515.774
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	239.225.614	202.515.774
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	-	-
- Nguyên giá	222		433.844.742	433.844.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(433.844.742)	(433.844.742)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.6	100.000.000	100.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		91.852.744.697	437.677.783.899

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		55.920.245.308	370.759.841.471
I. Nợ ngắn hạn	310		55.920.245.308	370.759.841.471
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	12.851.564.894	14.133.224.342
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	5.339.961.833	5.373.961.833
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	1.796.308.172	47.286.586.329
4. Phải trả người lao động	314		1.370.516.820	4.619.549.887
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	6.808.071.078	207.781.730.489
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	-	65.300.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	23.776.126.843	22.287.092.923
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.977.695.668	3.977.695.668
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		35.932.499.389	66.917.942.428
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	35.932.499.389	66.917.942.428
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(126.000.000)	(126.000.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		288.231.000	288.231.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.943.285.944	20.943.285.944
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.008.651.255	3.008.651.255
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(99.736.988.810)	(68.751.545.771)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.751.545.771)	(68.993.771.555)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(30.985.443.039)	242.225.784
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		91.852.744.697	437.677.783.899

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

Tổng Giám đốc

Đa Thị Hoàn

Đinh Ngọc Ánh



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	65.300.000.000	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	305.991.534.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		(240.691.534.000)	-
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	(194.923.123.308)	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(45.768.410.692)	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	906.843	241.987
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	212.518.198	258.016.203
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(45.980.022.047)	(257.774.216)
11. Thu nhập khác	31	5.19	49.579.000	500.000.000
12. Chi phí khác	32	5.19	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		49.579.000	500.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(45.930.443.047)	242.225.784
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(45.930.443.047)	242.225.784
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	(4.117)	22

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Tổng Giám đốc

Đinh Ngọc Ánh



Đinh Ngọc Ánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(45.930.443.047)	242.225.784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(906.843)	(241.987)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(45.931.349.890)	241.983.797
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	369.135.362.418	393.857.668
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.595.220.354	(363.636.364)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(329.834.175.171)	(56.844.189)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	49.579.000	500.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(495.267.096)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.636.711	220.093.816
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	906.843	241.987
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	906.843	241.987
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	15.543.554	220.335.803
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	793.240.542	572.904.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	808.784.096	793.240.542

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Chữ ký)
Trần Thị Hoàn

(Chữ ký)
Đinh Ngọc Ánh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá theo quyết định số 1745/QĐ-BXD và 1749/QĐ-BXD ngày 26/12/2003 của Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101437741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 03/12/2013.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SONG DA NO 9.06 JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: SONG DA NO 9.06.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 111.555.320.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: tầng 7, nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm: 3 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Xây dựng các công trình dân dụng khác gồm: xây dựng đường hầm, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi, giao thông, đường dây và trạm biến áp điện đến 35KV;
- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ...

Trong năm 2019, Công ty ghi nhận doanh thu bất động sản từ dự án Sông Đà Bình Tân.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do bộ tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2019
	Số năm
Máy móc thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản đầu tư dài hạn khác.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 9 và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng, sản xuất bê tông, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	68.567.241	280.244.888
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	740.216.855	512.995.654
Tổng	<u>808.784.096</u>	<u>793.240.542</u>

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	17.594.921.254	356.388.673.254
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà Đông Đô</i>	<i>6.479.907.857</i>	<i>6.479.907.857</i>
<i>Công ty CP TM - DV Hoàng Quân</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>339.000.000.000</i>
<i>Ban QLDA trường Đại Học Mỏ</i>	<i>-</i>	<i>3.293.752.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>7.615.013.397</i>	<i>7.615.013.397</i>
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Tổng	<u>17.594.921.254</u>	<u>356.388.673.254</u>

Tổng giá trị các khoản phải thu nhưng khó có khả năng thu hồi chi tiết như sau:

<i>Trong đó:</i>	<u>Quá hạn</u>	<u>Quá hạn từ</u>	<u>Quá hạn từ</u>	<u>Quá hạn trên 3</u>
	<u>dưới 1</u>	<u>1 năm đến 2</u>	<u>2 năm đến</u>	<u>năm</u>
	<u>năm</u>	<u>năm</u>	<u>3 năm</u>	<u>năm</u>
Công ty CP Sông Đà Đông đô	-	-	-	6.479.907.857
BQLDA CTXD huyện Đan Phượng	-	-	-	1.263.617.000
Đội XL số 7 - Nguyễn Quốc Tuấn	-	-	-	1.013.654.210
Các khách hàng khác	-	-	-	2.458.506.957
Tổng	-	-	-	<u>11.215.686.024</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	16.818.993.149	16.786.993.145
<i>Công ty CP tài nguyên môi trường VN</i>	<i>894.000.000</i>	<i>894.000.000</i>
<i>DNTNXD Trường Xuân</i>	<i>988.622.268</i>	<i>988.622.268</i>
<i>SMEC Hà Nội</i>	<i>1.345.550.000</i>	<i>1.345.550.000</i>
<i>Cty CP XD và TM Nhất Kiến tạo</i>	<i>1.241.622.500</i>	<i>1.241.622.500</i>
<i>Công ty CP Sông đà 9</i>	<i>692.830.000</i>	<i>692.830.000</i>
<i>Công ty CP tư vấn kiến trúc và XD HCM</i>	-	-
<i>Công ty tư vấn triển khai công nghệ và XD mỏ địa chất</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
<i>Ông Nguyễn Văn Giấy</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Bà Huỳnh Thị Ngọc Duyên</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn khác</i>	<i>7.856.368.381</i>	<i>7.824.368.377</i>
b) Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Tổng	16.818.993.149	16.786.993.145

Tổng giá trị các khoản phải thu nhưng khó có khả năng thu hồi chi tiết như sau:

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Ông Nguyễn Văn Giấy				2.000.000.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Duyên				1.500.000.000
Cty SMEC HN				1.345.550.000
DNTN Trường Xuân				988.622.268
Trung tâm thủy Điện				385.000.000
Công ty CP Tài Nguyên Môi Trường VN				894.000.000
Trả trước người bán khác				7.405.913.440
Tổng				14.519.085.708

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	42.034.803.645		42.555.123.891	
Phải thu khác	8.872.047.576		9.444.786.226	
Lê Quốc Huy [*]	7.210.000.000	-	7.210.000.000	-
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	260.000.000	-	260.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Sông Đà 36	260.000.000	-	260.000.000	-
Phải thu BHXH Người lao động	705.968.512	-	1.004.154.746	-
Phải thu khác	436.079.064	-	710.631.480	-
Tạm ứng	33.162.756.069		33.110.337.665	
Phạm Trung Kiên	1.102.429.370	-	1.102.429.370	-
Nguyễn Xuân Diễn	2.144.875.000	-	2.144.875.000	-
Trần Đức Hạnh - Chủ CT	3.071.338.546	-	3.071.338.546	-
Vương Văn Việt - Đội XL Số 3	2.852.844.244	-	2.852.844.244	-
Nguyễn Văn Dũng - Đội XL Số 5	1.010.407.388	-	1.010.407.388	-
Nguyễn Khắc Tráng	1.013.148.508	-	1.013.148.508	-
Nguyễn Quang Đô	3.664.000.000	-	3.664.000.000	-
Các khoản tạm ứng khác	18.303.713.013	-	18.251.294.609	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	42.034.803.645	-	42.555.123.891	-

[*] tiền chuyển nhượng cổ phần Sông Đà Đông Đô

Tổng giá trị các khoản phải thu nhưng khó có khả năng thu hồi chi tiết như sau:

Phải thu khác:

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn	Quá hạn từ	Quá hạn từ	Quá hạn trên 3
	dưới 1 năm	1 năm đến 2 năm	2 năm đến 3 năm	
Lê Quốc Huy				7.210.000.000
Phải thu khác				1.215.803.936
Tổng				8.425.803.936

Tạm ứng:

<i>Trong đó:</i>	Quá hạn	Quá hạn từ	Quá hạn từ	Quá hạn trên 3
	dưới 1 năm	1 năm đến 2 năm	2 năm đến 3 năm	
Phạm Trung Kiên				1.102.429.370
Nguyễn Xuân Diễn				2.144.875.000
Phòng dự án				1.557.320.965
Trần Đức Hạnh				3.071.338.546
Nguyễn Quốc Tuấn				632.490.714
Vương Văn Việt				2.852.844.244
Vũ Văn Dũng				1.010.407.388
Nguyễn Khắc Tráng				1.013.148.508
Nguyễn Quang Đô				3.664.000.000
Tạm ứng khác				5.274.232.024
Tổng				22.323.086.759

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.958.718.553	-	21.553.938.907	-
Công trình đường Đan Phượng	5.159.384.230	-	5.159.384.230	-
Công trình Đà Lạt Plaza	4.623.159.775	-	4.623.159.775	-
Dự án Sông Đà Bình Tân	-	-	3.688.379.723	-
Công trình TCV 1 Nậm Chiến	2.010.754.988	-	2.010.754.988	-
Công trình Cà Mau	1.833.578.044	-	1.833.578.044	-
Các công trình Khác	1.331.841.516	-	4.238.682.147	-
Tổng	14.958.718.553	-	21.553.938.907	-

5.6 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty CP SUMI SD Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000
Tổng	100.000.000	100.000.000

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị : VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	397.310.651	36.534.091	433.844.742
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	397.310.651	36.534.091	433.844.742
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	397.310.651	36.534.091	433.844.742
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	397.310.651	36.534.091	433.844.742
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	-	-	-
Tại 31/12/2019	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.851.564.894	12.851.564.894	14.133.224.342	14.133.224.342
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	1.965.741.445	1.965.741.445	1.965.741.445	1.965.741.445
Công ty TNHH XD Thái Bình	772.000.000	772.000.000	772.000.000	772.000.000
Cty CP XD Hạ tầng đô thị HN	-	-	1.515.579.000	1.515.579.000
Cty TNHH SXVL Long An	805.969.327	805.969.327	805.969.327	805.969.327
Tổng công ty sông đà	2.211.008.507	2.211.008.507	1.910.003.259	1.910.003.259
Phải trả các đối tượng khác	7.096.845.615	7.096.845.615	7.163.931.311	7.163.931.311
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Tổng	12.851.564.894	12.851.564.894	14.133.224.342	14.133.224.342

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.339.961.833	5.373.961.833
Công ty Thủy điện Năm Cất	5.123.760.707	5.123.760.707
Người mua trả tiền trước khác	216.201.126	250.201.126
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Tổng	5.339.961.833	5.373.961.833

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND***A. Phải nộp**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	31.503.394.975	(30.500.000.000)	-	1.003.394.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.628.181.521	(14.945.000.008)	-	683.181.513
Thuế thu nhập cá nhân	155.009.833	4.721.851	50.000.000	109.731.684
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Tổng	47.286.586.329	(45.437.278.157)	53.000.000	1.796.308.172

B. Phải thu

	01/01/2019	Số được khấu trừ trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	31/12/2019
Thuế giá trị gia tăng	202.515.774	36.709.840	-	239.225.614
Tổng	202.515.774	36.709.840	-	239.225.614

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	6.808.071.078	207.781.730.489
Dự án Sông Đà Bình Tân	-	200.948.204.866
CT Thủy Điện sesan 4	1.231.458.515	1.231.458.515
CT Hồ chứa nước IAMLA	640.815.466	640.815.466
CT Xưởng May Nông Nghiệp	597.321.291	597.321.291
CT đập Cầu Thành - Thái Nguyên	829.916.898	829.916.898
CT Cấp nước Phú Lạc - Đại từ Thái Nguyên	802.068.322	802.068.322
Dự án qui hoạch 3 xã Đan Phượng	1.020.451.818	1.020.451.818
Chi phí phải trả khác	1.686.038.768	1.711.493.313
b) Dài hạn	-	-
Tổng	6.808.071.078	207.781.730.489

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu dự án Bình Tân	-	65.300.000.000
Tổng	-	65.300.000.000

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	23.776.126.843	22.287.092.923
- Kinh phí công đoàn;	339.543.983	339.543.983
- Bảo hiểm xã hội;	63.903.317	30.467.103
- Bảo hiểm y tế;	1.000.000	1.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	23.371.679.543	21.916.081.837
+ <i>Tiền cổ tức phải trả</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>20.000.000.000</i>
+ <i>Tiền lương phải trả cá nhân</i>	<i>1.759.518.706</i>	-
+ <i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>1.612.160.837</i>	<i>1.916.081.837</i>
b) Dài hạn	-	-
Tổng	23.776.126.843	22.287.092.923

CÔNG TY CỔ PHẦN SÓNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.993.771.555)	66.675.716.644
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	242.225.784	242.225.784
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	242.225.784	242.225.784
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.751.545.771)	66.917.942.428
Số dư tại 01/01/2019	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(68.751.545.771)	66.917.942.428
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	14.945.000.008	14.945.000.008
Tăng khác	-	-	-	-	-	14.945.000.008	14.945.000.008
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	45.930.443.047	45.930.443.047
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	45.930.443.047	45.930.443.047
Số dư tại 31/12/2019	111.555.320.000	(126.000.000)	20.943.285.944	288.231.000	3.008.651.255	(99.736.988.810)	35.932.499.389

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông khác	111.555.320.000	111.555.320.000
Tổng	111.555.320.000	111.555.320.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	111.555.320.000	111.555.320.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	111.555.320.000	111.555.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.155.132	11.155.132
+ Cổ phiếu phổ thông	11.155.132	11.155.132
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.155.132	11.155.132
Cổ phiếu phổ thông	11.155.132	11.155.132

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP***5.15 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động bất động sản	65.300.000.000	-
Tổng	65.300.000.000	-
Giảm giá hoạt động bất động sản	305.991.534.000	-
Doanh thu thuần	(240.691.534.000)	-

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hoạt động bất động sản	(194.923.123.308)	-
Tổng	(194.923.123.308)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	906.843	241.987
Tổng	906.843	241.987

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	174.652.954	180.000.000
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.011.240	8.664.307
Chi phí khác bằng tiền	25.854.004	66.351.896
Tổng	212.518.198	258.016.203

5.19 Thu nhập khác/chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập khác	49.579.000	500.000.000
Tổng	49.579.000	500.000.000
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	49.579.000	500.000.000

5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(45.930.443.047)	242.225.784
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(45.930.443.047)	242.225.784
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trường hợp trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế)		-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	11.155.532	11.155.532
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(4.117)	22

5.21 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân công	174.652.954	180.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.011.240	8.664.307
Chi phí khác bằng tiền	25.854.004	66.351.896
Tổng	209.518.198	255.016.203

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 9.06

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Thông tin khác**

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đã chuyển địa điểm đến Phòng 731, Khách sạn thể thao, số 15 Lê Văn Thiêm, quận Thanh Xuân, Hà Nội, và hiện đang trong quá trình làm thủ tục đăng ký kinh doanh mới.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ban Giám đốc	Lương, thu nhập	134.358.254	129.530.806
Tổng		134.358.254	129.530.806

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tổng công ty Sông Đà	Công nợ phải trả	2.211.008.507	1.910.003.259
Công ty CP Sông Đà Đông Đô	Công nợ phải thu	6.479.907.857	6.479.907.857

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

UBND P.THANH XUÂN TRUNG, Q.THANH XUÂN, HN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 30-06-2020

Số chứng thực: 3064...Quyển số: 02...SCT/BS



Đinh Ngọc Ánh



PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Huyền